

Số tháng 1 năm 2019

Ms. **Trần Trà My**  
Chuyên viên phân tích  
T: 0916668280  
E: [my.trantra@mbs.com.vn](mailto:my.trantra@mbs.com.vn)

**Ths. Hoàng Công Tuấn**  
Trưởng bộ phận kinh tế vĩ mô  
T: 0915591954  
E: [tuanghcong@mbs.com.vn](mailto:tuanghcong@mbs.com.vn)

**MBS Vietnam Research**  
Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)  
Bloomberg: MBSV<GO>

Xem thông tin thêm ở trang cuối

**TÓM TẮT**

***CPI tháng 1 tăng nhẹ 0.1% so với cùng kì. Nhập siêu trong tháng 1 ước tính đạt 800 triệu USD. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong tháng 1 đạt hơn 1,1 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ giá trung tâm NHNN cuối tháng 1 đạt 22,868 so với 22,825 của cuối tháng 12/2018 (tăng 43 đồng) trong khi tỷ giá tự do VND/USD giảm 65 đồng từ 23,260 xuống còn 23,175. Thanh khoản hệ thống căng thẳng nhẹ do yếu tố chu kì.***

CPI tháng 1 tăng nhẹ 0.1% so với cùng kì

Tính đến 29/1, giá dầu Brent giao tháng 3/2019 ở mức 60,1 USD/thùng

Nhập siêu trong tháng 1 ước tính đạt 800 triệu USD

Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong tháng 1 đạt hơn 1,1 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2018

Trong tháng 1, NHNN bơm ròng đạt 64,000 tỷ đồng trên kênh OMO trong khi trên kênh tín phiếu NHNN không phát hành và cũng không có tín phiếu đáo hạn

KBNN tiếp tục huy động được 36.343,5 tỷ đồng thông qua TPCP trong tháng 1/2019

Tỷ giá trung tâm NHNN cuối tháng 1 đạt 22,868 so với 22,825 trong ngày 28/12 (tăng 43 đồng) trong khi tỷ giá tự do VND/USD giảm 65 đồng từ 23260 xuống còn 23175

Thâm hụt ngân sách ở mức 1 nghìn tỷ trong nửa đầu tháng 1/2019

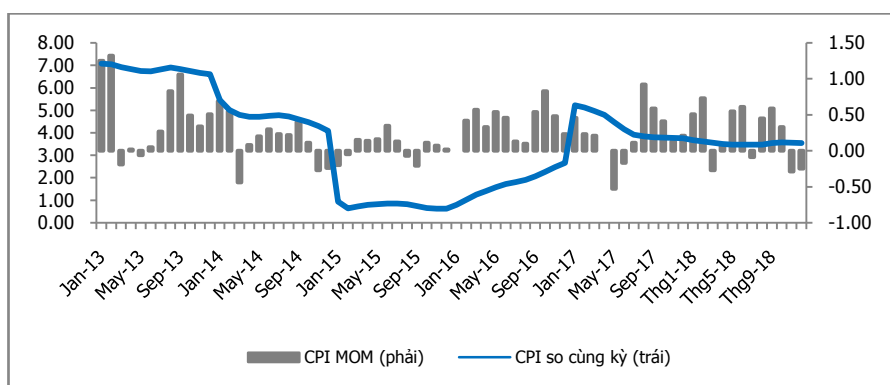
Thanh khoản hệ thống căng thẳng nhẹ do yếu tố chu kì

## LẠM PHÁT

### CPI tháng 1 tăng nhẹ 0.1% so với cùng kì

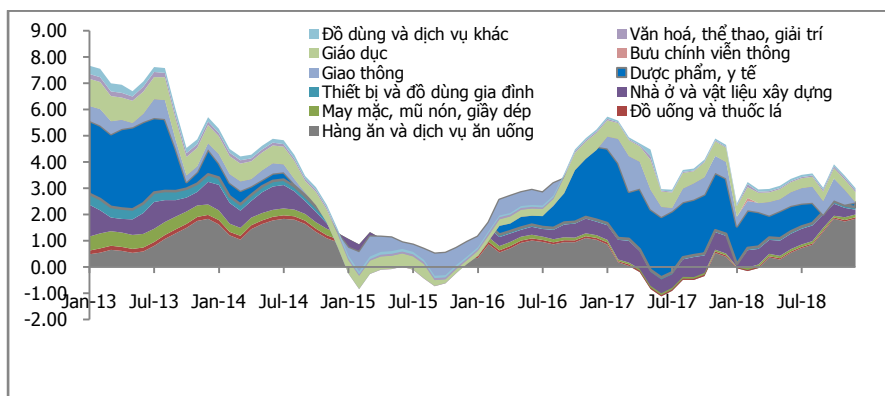
CPI tháng 1 tăng nhẹ 0.1% so với cùng kì. Trong tháng 1/2019 có 9 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước đó là đồ uống và thuốc lá tăng 0,69%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,66%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,39%. Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,35%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,34%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,33%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; giáo dục tăng 0,15%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%. Chỉ có hai nhóm giảm giá là giao thông giảm 3,04% và nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,09%. Tổng cục Thống kê đánh giá, tháng 1/2019 là tháng giáp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi nên nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng hơn các tháng trước. Tuy nhiên, CPI tháng 1/2019 chỉ tăng nhẹ do lượng hàng hóa chuẩn bị cho dịp Tết dồi dào.

Hình 1: Lạm phát theo tháng (%)



Nguồn: GSO

Hình 2: Đóng góp của các nhóm hàng vào lạm phát (% so với cùng kì)

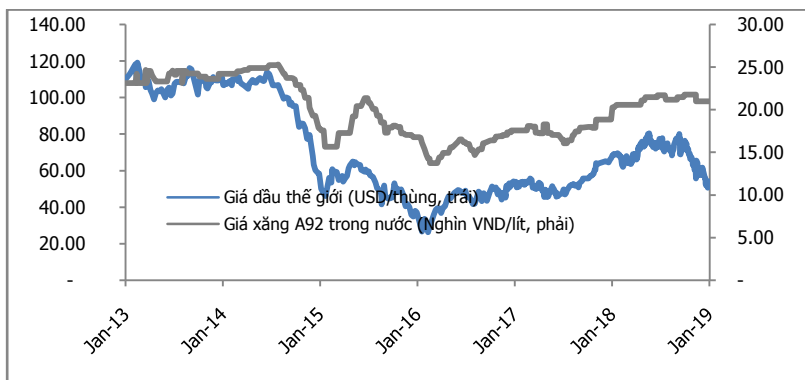


Nguồn: GSO

### Tính đến 29/1, giá dầu Brent giao tháng 3/2019 ở mức 60,1 USD/thùng

Tính đến 29/1, giá dầu Brent giao tháng 3/2019 ở mức 60,1 USD/thùng. Giá dầu thế giới quay đầu giảm sau khi nguy cơ về một lệnh trừng phạt của Mỹ với hoạt động xuất khẩu dầu của Venezuela tạm lắng xuống. Tuy nhiên, xu hướng giá dầu tăng mặc dù nguy cơ Mỹ trừng phạt Venezuela vẫn còn. Năm 2017, Mỹ đã nhập trung bình 0,618 triệu thùng mỗi ngày, tương đương khoảng 41% tổng lượng xuất khẩu của Venezuela. Trung Quốc đã nhập khoảng 0,336 triệu thùng/ngày và Ấn Độ 0,32 triệu thùng/ngày. 0,186 triệu thùng/ngày đã được xuất khẩu đến Thụy Điển, Vương quốc Anh, Đức, Cuba, Singapore và các nước khác trong suốt cả năm. Chúng tôi cho rằng giá dầu khó tăng qua ngưỡng 70 USD/thùng trong năm 2019.

**Hình 3: Giá dầu thô thế giới và giá xăng dầu trong nước (A92)**



Nguồn: Bloomberg và MoF

## CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ KHÁC

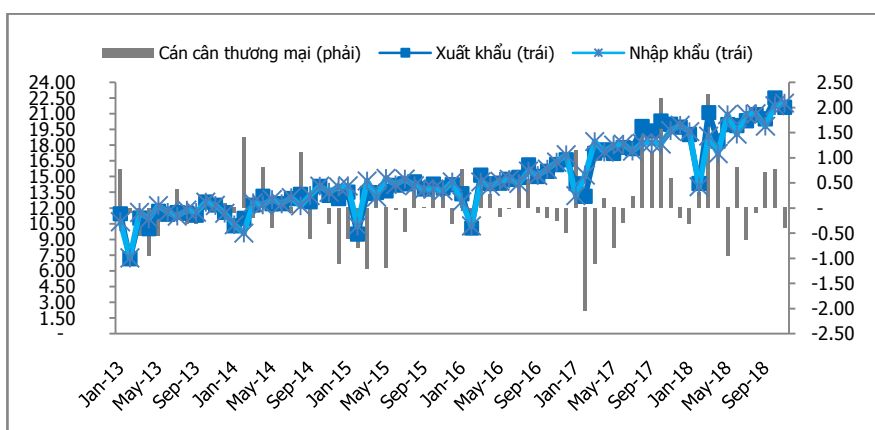
### Nhập siêu trong tháng 1 ước tính đạt 800 triệu USD

Tháng 1/2019 ước tính nhập siêu 800 triệu USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 2,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 1,8 tỷ USD. Đối với xuất khẩu, mức kim ngạch tháng 1/2019 ước tính đạt 20,0 tỷ USD, tăng 1,9% so với tháng trước. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với tháng trước như: Hóa chất, rau quả, phương tiện vận tải và phụ tùng, dầu thô, sắt thép. Bên cạnh đó, một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị giảm như: Điện thoại và linh kiện, hàng dệt may, điện tử, máy tính và linh kiện. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 1/2019 giảm 1,3%.

Một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch giảm: Điện thoại và linh kiện đạt 2,9 tỷ USD, giảm 27,5%, đây là nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu tháng 1 giảm so với cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, nhiều nhóm hàng khác giảm kim ngạch xuất khẩu tháng 1, như: Điện tử, máy tính và linh kiện; máy ảnh, máy quay phim; Cà phê; hạt điều; gạo; hạt tiêu.

Một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị tăng: Hàng dệt may; giày dép; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng; gỗ và sản phẩm gỗ; phương tiện vận tải và phụ tùng; thủy sản. Ở chiều nhập khẩu, tháng 1/2019, kim ngạch ước tính đạt 20,80 tỷ USD, tăng 1,7% so với tháng trước. Kim ngạch một số mặt hàng tăng so với tháng trước: Bông, than đá, thủy sản, sản phẩm chất dẻo, nguyên phụ liệu dệt may, giày dép. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 1/2019 ước tính tăng 3,1%. Một số mặt hàng có giá trị kim ngạch nhập khẩu lớn trong tháng Một: Điện tử, máy tính và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng; điện thoại và linh kiện; vải; sắt thép; chất dẻo.

**Hình 5: Thương mại quốc tế (tỷ\$)**

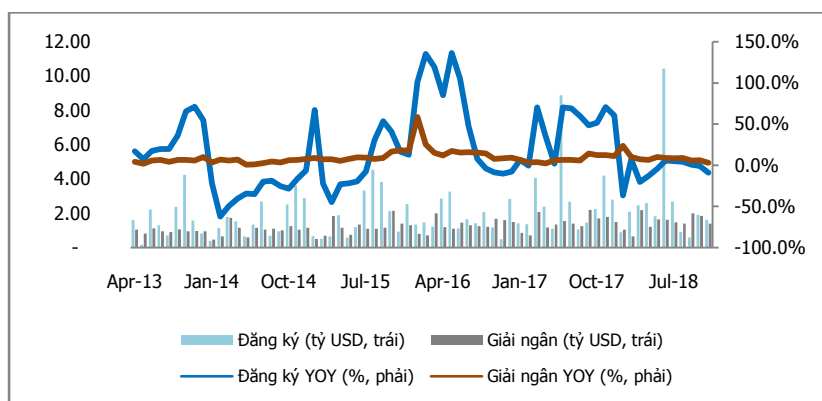


Nguồn: Customs, GSO

**Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong tháng 1 đạt hơn 1,1 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2018**

Tổng cục Thống kê cho biết, tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong tháng 1 đạt hơn 1,1 tỷ USD, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2018. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20-1-2019 thu hút 226 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 805 triệu USD, tăng hơn 36% về số dự án và tăng gần 82% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018. Bên cạnh đó, có 72 lượt dự án FDI đã cấp phép từ các năm trước đăng ký tăng vốn thêm 340,3 triệu USD, giảm 25,5% so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI thực hiện tháng 1/2019 ước tính đạt 1,55 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ tháng 1/2018. Trong tháng 1 còn có 489 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là gần 762 triệu USD, tăng 114% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn FDI mới trong tháng 1 tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với số vốn đăng ký đạt 591 triệu USD, chiếm 73,4% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành vận tải, kho bãi đạt 65,3 triệu USD; ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đạt 59,2 triệu USD; các ngành còn lại đạt 89,5 triệu USD.

**Hình 6: Đầu tư trực tiếp nước ngoài hàng tháng (tỷ\$)**

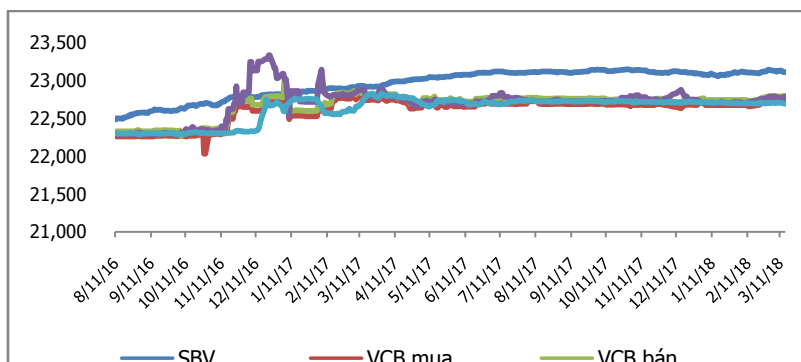


**CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH**

**Tỷ giá trung tâm NHNN cuối tháng 1 đạt 22,868 so với 22,825 cuối tháng 12/2018 (tăng 43 đồng) trong khi tỷ giá tự do VND/USD giảm 65 đồng từ 23,260 xuống còn 23,175**

Chỉ số ICE USD vẫn tiếp tục cao trong tháng 1 mặc dù có giảm nhẹ từ 96 xuống còn về 95, trong thời gian qua kinh tế Mỹ vẫn nhiều dấu hiệu tích cực. Tỷ giá trung tâm NHNN cuối tháng 1 đạt 22,868 so với 22,825 (tăng 43 đồng) trong khi tỷ giá tự do VND/USD giảm 65 đồng từ 23260 xuống còn 23175. Dự trữ ngoại hối ở mức cao và ngân hàng nhà nước tiếp tục tăng giá mua 500 đồng đối với tỷ giá để tăng lượng ngoại hối nhân dịp kiều hối tăng mạnh.

**Hình 7: Tỷ giá bán VND/USD**



Nguồn: Bloomberg

### **Thanh khoản hệ thống căng thẳng nhẹ do yếu tố chu kỳ**

Lãi suất liên ngân hàng trong cuối tháng 1 đạt mức 4,63, 4,79, 4,908, 5,05 (tăng lần lượt 0,13, 0,29, 0.308, 0.25%/năm). Nhu cầu thanh toán đầu năm cho doanh nghiệp và người lao động vẫn tăng cao.

### **Trong tháng 1, NHNN bơm ròng đạt 64,000 tỷ đồng trên kênh OMO trong khi trên kênh tín phiếu NHNN không phát hành và cũng không có tín phiếu đáo hạn**

Trong tháng 1, NHNN bơm 278 nghìn tỷ và hút 214 nghìn tỷ trên kênh OMO, tổng bơm ròng đạt 64,000 tỷ đồng trong khi trên kênh tín phiếu NHNN không phát hành và cũng không có tín phiếu đáo hạn. Như chu kỳ thanh khoản hằng năm thì NHNN sẽ luôn bơm ròng vào hệ thống vào thời gian này tuy nhiên so với quy mô bơm ròng trước đây thì đây vẫn là mức trung bình, điều này cho thấy NHNN đã có sự chuẩn bị kĩ càng cho thanh khoản bằng việc dự trữ ngoại hối ở mức cao (63 tỷ USD). Mặc dù đồng USD vẫn ở mức cao trong 2018 nhưng đồng VND không mất giá nhiều so với USD. Chúng tôi cho rằng NHNN sẽ có những chính sách mua bán đồng USD linh hoạt trong năm 2019 để ổn định tỷ giá nhờ một phần hỗ trợ từ lạm phát ổn định trong nước.

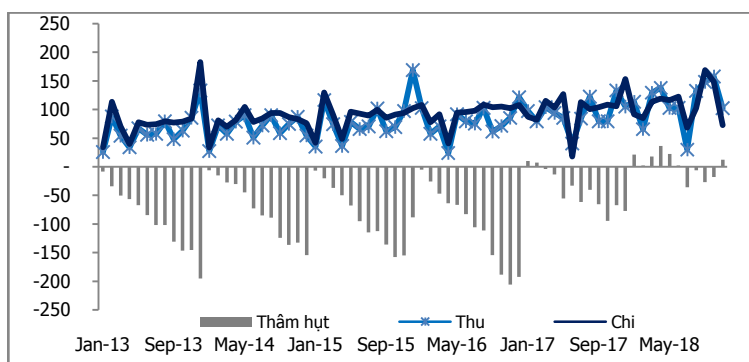
### **KBNN tiếp tục huy động được 36.343,5 tỷ đồng thông qua TPCP trong tháng 1**

Trong tháng 1, KBNN huy động được 36.343,5 tỷ đồng TPCP thông qua hình thức đấu thầu tại HNX. Cụ thể, trái phiếu kỳ hạn 5 năm huy động thành công 1.000 tỷ đồng với lãi suất trúng thầu 3,80%/năm, thấp hơn 0,02%/năm so với lãi suất trúng thầu phiên trước đó. Đối với kỳ hạn 10 năm, huy động thành công 3.000 tỷ đồng với lãi suất 4,80%/năm, thấp hơn 0,04%/năm so với lãi suất trúng thầu phiên trước đó. Phiên thầu phụ kỳ hạn 10 năm gọi thầu 1.500 tỷ đồng, huy động được 1.500 tỷ đồng với lãi suất 4,80%/năm. Cuối cùng, huy động được 448,5 tỷ đồng từ trái phiếu kỳ hạn 20 năm với lãi suất trúng thầu 5,59%/năm, thấp hơn 0,01%/năm so với lãi suất trúng thầu phiên trước đó.

### **Thâm hụt ngân sách ở mức 1 nghìn tỷ trong nửa đầu tháng 1/2019**

Tổng thu ngân sách Nhà nước 15 ngày đầu tháng 1/2019 ước tính đạt 30,8 nghìn tỷ đồng, bằng 2,2% dự toán năm. Trong đó, thu nội địa đạt 16 nghìn tỷ đồng, bằng 1,4%; thu từ dầu thô 1,5 nghìn tỷ đồng, bằng 3,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 13,3 nghìn tỷ đồng, bằng 7%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 549 tỷ đồng, bằng 0,3% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 1.102 tỷ đồng, bằng 0,5%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 2,9 nghìn tỷ đồng, bằng 1,2%; thu thuế thu nhập cá nhân 1,7 nghìn tỷ đồng, bằng 1,5%; thu thuế bảo vệ môi trường 105 tỷ đồng, bằng 0,2%; thu tiền sử dụng đất 3,9 nghìn tỷ đồng, bằng 4,4%. Báo cáo cũng cho thấy, tổng chi ngân sách nhà nước ước tính đạt 44,2 nghìn tỷ đồng, bằng 2,7% dự toán năm. Trong đó, chi thường xuyên đạt 31,8 nghìn tỷ đồng, bằng 3,2%; chi đầu tư phát triển 2,8 nghìn tỷ đồng, bằng 0,7%; chi trả nợ lãi 9,7 nghìn tỷ đồng, bằng 7,7%.

**Hình 9: Thu, chi NSNN (ngàn tỷ đồng)**



Nguồn: GSO

**PHỤ LỤC SỐ LIỆU**

|                            | <b>T12</b> | <b>T1</b> | <b>T2</b> | <b>T3</b> | <b>T4</b> | <b>T5</b> | <b>T6</b> | <b>T7</b> | <b>T8</b> | <b>T9</b> | <b>T10</b> | <b>T11</b> | <b>T12</b> |
|----------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|------------|
| GDP (% YoY, accumulated)   | 6.81       |           |           | 7.38      |           |           | 7.08      |           |           | 6.88      |            |            | 7.31       |
| Industrial output (% yoy)  | 11.2       | 20.7      | 8         | 9.4       | 9.4       | 9.7       | 9.07      | 10.07     | 13.4      | 12.65     | 7.7        | 9.6        | 8.65       |
| Export (\$billion)         | 19.3       | 19        | 13.4      | 21.1      | 18.2      | 19.2      | 19.6      | 19.85     | 20.9      | 17.9      | 20.8       | 2.1        | 21         |
| Import (\$billion)         | 19.8       | 19.3      | 12.5      | 17.5      | 17.5      | 19.7      | 19.7      | 19.8      | 21        | 17.35     | 20.7       | 2.2        | 21.2       |
| Trade deficit (\$billion)  | -0.5       | -0.3      | 1.0455    | 3.6       | 0.7       | -0.5      | -0.1      | 0.05      | 0.1       | 0.4       | 0.1        | -0.1       | 0.2        |
| Contracted FDI (\$billion) | 1.48       | 0.9       | 2         | 2.1       | 3.6       | 2.75      | 1.6       | 1.48      | 1.4       | 1.4       | 1.5        | 1.6        | 1.8        |
| Realized FDI (\$billion)   | 1.5        | 1         | 1.7       | 1.8       | 2.3       | 1.17      | 1.9       | 2.6       | 2.8       | 1.96      | 2.2        | 2.6        | 1.9        |
| Inflation (% mom)          | 0.35       | 0.51      | 0.73      | -0.27     | 1.53      | 1.37      | 0.61      | 0.15      | 0.22      | 0.14      | 0.33       | -0.29      | -0.25      |
| OMO rate (%)               | 4.75       | 4.75      | 4.75      | 4.75      | 4.75      | 4.75      | 4.75      | 4.75      | 4.75      | 4.75      | 4.75       | 4.75       | 4.75       |
| VND/USD (VCB, e-o-p)       | 22675      | 22666     | 22685     | 22566     | 22595     | 22638     | 22800     | 23310     | 23356     | 23388     | 23353      | 23367      | 23359      |

## SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán.

## TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

ĐT: +84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.